

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN
TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT
XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm
2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Đặng Minh Phong	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Ưông Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3 tháng 2 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Số: *AS* /2011 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

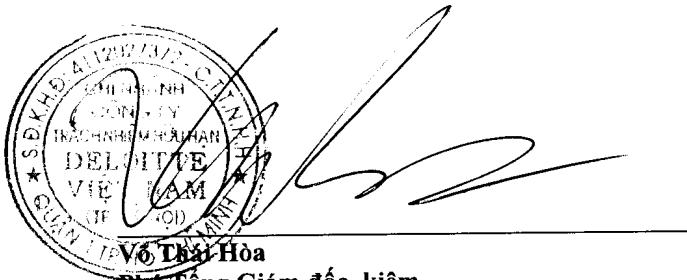
Chúng tôi đã tiến hành soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

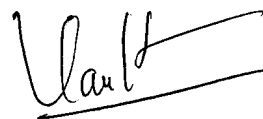
Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam áp dụng cho công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam, các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Võ Đại Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 7 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.506.787.903.546	3.378.020.645.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	545.678.964.003	1.218.594.514.950
1. Tiền	111		8.809.499.203	5.172.889.170
2. Các khoản tương đương tiền	112		536.869.464.800	1.213.421.625.780
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000.000	985.115.181.040
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	80.000.000.000	985.115.181.040
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.736.640.670.069	1.154.512.698.507
1. Trả trước cho người bán	132	6	1.724.525.860.584	1.110.956.597.426
2. Các khoản phải thu khác	135		12.114.809.485	43.556.101.081
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		144.468.269.474	19.798.250.559
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		144.397.228.474	19.788.250.559
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		71.041.000	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.762.222.116.472	1.854.985.216.748
I. Tài sản cố định	220		2.527.989.138.367	1.843.830.785.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	4.401.031.434	5.038.043.016
- Nguyên giá	222		6.989.147.224	6.989.147.224
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.588.115.790)	(1.951.104.208)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	2.523.588.106.933	1.838.792.742.641
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	11.140.000.000	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		223.092.978.105	14.431.091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	223.092.978.105	14.431.091
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.269.010.020.018	5.233.005.861.804

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

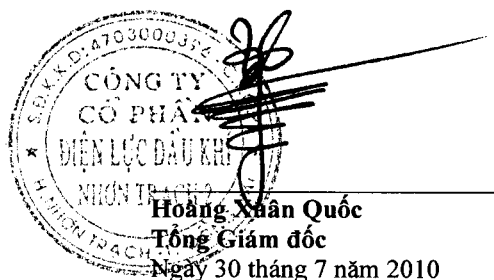
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

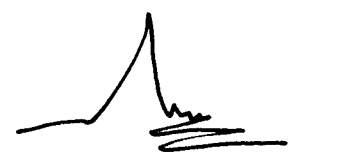
Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.533.646.537.504	2.362.431.630.454
I. Nợ ngắn hạn	310		2.347.377.124.704	2.362.431.630.454
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	1.901.497.498.704	2.237.109.792.435
2. Phải trả người bán	312		407.767.333.718	78.721.437.429
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	29.422.020.423	29.793.401.833
5. Phải trả người lao động	315		273.866.472	1.248.609.426
6. Chi phí phải trả	316		6.027.615.083	15.303.635.906
7. Các khoản phải trả khác	319		344.488.545	154.753.425
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.944.301.759	-
II. Nợ dài hạn	330		186.269.412.800	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	186.269.412.800	-
B. NGUỒN VỐN	400		2.735.363.482.514	2.870.574.231.350
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	2.735.363.482.514	2.870.574.231.350
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(48.573.490.269)	123.934.916.030
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.140.000.000	11.140.000.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		212.796.972.783	175.499.315.320
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.269.010.020.018	5.233.005.861.804



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
 Ngày 30 tháng 7 năm 2010



Lê Việt An
 Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

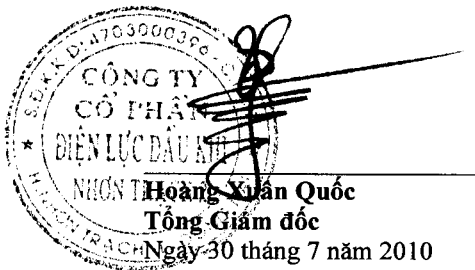
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009(*)	
			Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	66.931.511.989	86.277.476.737
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.204.120.602)	(5.308.527.217)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.727.391.387	80.968.949.520
4. Thu nhập khác	31		8.571.600	-
5. Lợi nhuận khác	40		8.571.600	-
6. Lợi nhuận trước thuế	50		56.735.962.987	80.968.949.520
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	16	(14.184.970.747)	(14.190.093.666)
8. Lợi nhuận sau thuế	60		42.550.992.240	66.778.855.854

(*) Tại thời điểm 30/06/2009 Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chưa được soát xét nhưng tại thời điểm 31/12/2009 Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



Lê Việt An
 Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009
		đến 30/6/2010	đến 30/6/2009(*)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	56.735.962.987	80.968.949.520
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	637.011.582	549.858.545
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(66.931.511.989)	(86.277.476.737)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.558.537.420)	(4.758.668.672)
Tăng các khoản phải thu	09	(83.656.152.932)	(912.339.367)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(283.303.883)	45.724.410.988
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(222.444.750.193)	4.907.557
Tiền lãi vay đã trả	13	(30.970.621.047)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.190.093.666)	(9.977.344.279)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.370.074.018)	(1.662.108.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(364.473.533.159)	28.418.857.615
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang	21	(1.238.048.995.062)	(957.417.453.433)
2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(100.000.000.000)
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	905.115.181.040	15.204.174.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	57.419.978.602	64.003.573.644
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(275.513.835.420)	(978.209.705.789)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.015.234.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.767.774.955.998	789.219.638.753
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.800.703.138.366)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.928.182.368)	1.804.454.138.753
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(672.915.550.947)	854.663.290.579
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.218.594.514.950	1.447.334.275.924
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	545.678.964.003	2.301.997.566.503

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

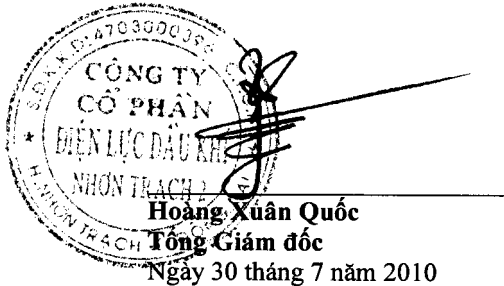
MẪU B 03-DN

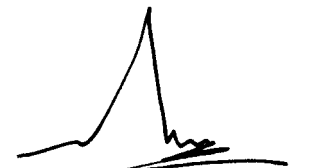
Đơn vị: VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Lãi từ hoạt động đầu tư trong kỳ không bao gồm số tiền 9.511.533.387 đồng, là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

(*) Tại thời điểm 30/06/2009 Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 chưa được soát xét nhưng tại thời điểm 31/12/2009 Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.


Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 7 năm 2010


Lê Việt An
Phó phòng kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 20 tháng 11 năm 2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 75 người (năm 2009: 51 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; nhập khẩu nhiên liệu và thiết bị vật tư phụ tùng để sản xuất, kinh doanh điện; thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn xây dựng cơ bản, được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, riêng phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	192.329.691	4.082.882
Tiền gửi ngân hàng	8.617.169.512	5.168.806.288
Các khoản tương đương tiền	536.869.464.800	1.213.421.625.780
	<u>545.678.964.003</u>	<u>1.218.594.514.950</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 3 tháng hoặc ngắn hơn với mức lãi suất từ 0,91% đến 0,95% hàng tháng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	681.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn	80.000.000.000	304.115.181.040
	<u>80.000.000.000</u>	<u>985.115.181.040</u>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có kỳ hạn từ 3 tháng đến một năm với mức lãi suất từ 8%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện các công việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và các công việc theo sơ đồ đường ống của Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010 và 30/06/2010	5.852.322.446	1.136.824.778	6.989.147.224
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	1.362.333.250	588.770.958	1.951.104.208
Khấu hao trong kỳ	467.007.540	170.004.042	637.011.582
Tại ngày 30/06/2010	<u>1.829.340.790</u>	<u>758.775.000</u>	<u>2.588.115.790</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2010	<u>4.022.981.656</u>	<u>378.049.778</u>	<u>4.401.031.434</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>4.489.989.196</u>	<u>548.053.820</u>	<u>5.038.043.016</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	1.838.792.742.641	118.749.186.884
Tăng	684.795.364.292	1.720.043.555.757
Tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12	<u>2.523.588.106.933</u>	<u>1.838.792.742.641</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tiền lãi vay và các khoản chi phí phát sinh cho việc thiết kế, chế tạo, cung cấp hàng đến công trường, lắp ráp, thử nghiệm và chạy thử máy móc thiết bị nhà máy và thực hiện công việc theo sơ đồ đường găng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt được công suất 750MV.

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng (31/12/2009: 11.140.000.000 đồng), tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá gốc, vì thế không cần thiết phải lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	14.431.091	38.045.960
Tăng	223.083.258.779	653.777
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	4.711.765	24.268.646
Tại ngày 31 tháng 06 và 31 tháng 12	<u>223.092.978.105</u>	<u>14.431.091</u>

Căn cứ vào hợp đồng bảo trì công trình dài hạn số VIT1000 NT2 2009-11-03 giữa Công ty và Siemens AG; Siemens Ltd. Vietnam sẽ thực hiện bảo trì thiết bị, máy móc cho Công ty trong thời hạn 11,7 năm bắt đầu từ tháng 3 năm 2011 với tổng giá trị hợp đồng là 142.500.000 Euro. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã thanh toán cho Siemens AG và Siemens Ltd. Vietnam số tiền là 8.403.131 Euro (tương đương 222.416.422.770 đồng) cho khoản chi phí huy động theo điều khoản hợp đồng.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Vay ngắn hạn	<u>1.901.497.498.704</u>	<u>2.237.109.792.435</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư. Các khoản vay của Công ty được thực hiện bằng đồng Euro và đô la Mỹ với tổng hạn mức là 80 triệu Euro và 50 triệu đô la Mỹ. Khoản vay ngắn hạn 15.000.000 Euro của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn và khoản vay ngắn hạn 15.000.000 Euro từ Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này, các khoản vay còn lại được đảm bảo một phần bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng này và được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất ấn định trong khoảng từ 3% đến 4,8% cho các khoản vay bằng đồng Euro và 4,8% cho các khoản vay bằng đô la Mỹ. Số dư các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 bao gồm 61.800.289 Euro và 24.973.030 đô la Mỹ.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.113.142.836	29.757.420.519
Thuế thu nhập cá nhân	76.338.794	35.981.314
Thuế nộp hộ nhà thầu nước ngoài	232.538.793	-
	<u>29.422.020.423</u>	<u>29.793.401.833</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất 5,33%/năm và sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng 3,0%/năm. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty đã rút 8.002.982 Euro.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	186.269.412.800	-
	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>186.269.412.800</u>	<u>-</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại 30/6/2010 và 31/12/2009	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.326.061.500.000	51.8	1.326.061.500.000	1.326.061.500.000
Tổng công ty Tài chính Cổ Phần Dầu khí Việt Nam	281.600.000.000	11	281.600.000.000	281.600.000.000
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10	256.000.000.000	256.000.000.000
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5	128.000.000.000	128.000.000.000
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam	64.000.000.000	2.5	64.000.000.000	64.000.000.000
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2.5	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7.2	184.338.500.000	184.338.500.000
	2.560.000.000.000	100	2.560.000.000.000	2.560.000.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2009	1.544.765.500.000	57.148.410	-	54.031.310.806	1.598.853.959.216
Góp vốn	1.015.234.500.000	-	-	-	1.015.234.500.000
Chênh lệch tỷ giá	-	123.877.767.620	-	-	123.877.767.620
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.140.000.000	(11.140.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.809.565.054	135.809.565.054
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.201.560.540)	(3.201.560.540)
Số dư tại ngày 1/1/2010	2.560.000.000.000	123.934.916.030	11.140.000.000	175.499.315.320	2.870.574.231.350
Chênh lệch tỷ giá	-	(172.508.406.299)	-	-	(172.508.406.299)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	42.550.992.240	42.550.992.240
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.253.334.777)	(5.253.334.777)
Số dư tại ngày 30/6/2010	2.560.000.000.000	(48.573.490.269)	11.140.000.000	212.796.972.783	2.735.363.482.514

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản tiền lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng và các khoản Ủy thác quản lý vốn tại các tổ chức tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	56.735.962.987	80.968.949.520
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.920.000	117.300.000
Thu nhập chịu thuế	56.739.882.987	81.086.249.520
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.184.970.747	20.271.562.380
Giảm trừ thuế	-	6.081.468.714
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.184.970.747	14.190.093.666

Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT VỐN

	30/06/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đã phê duyệt và ký kết hợp đồng	7.022.566.957.902	8.542.716.947.532
Đã phê duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	4.055.527.463.898	2.535.377.474.268

Các khoản cam kết bao gồm các khoản chi đã được phê duyệt hoặc ký kết hợp đồng nhưng chưa thực hiện tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 liên quan đến công việc thiết kế, xây dựng và chế tạo cho Công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Tạm ứng		
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	1.048.933.505	126.164.967.561
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam(Lilama)	1.131.732.761.468	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	-	15.204.174.000
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	3.353.195.253	-
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	460.482.761.437	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	35.604.363.636
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam(Lilama)	1.596.523.758	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí	-	20.803.636.364
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	4.647.681.652	16.778.087.122

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 (Chưa soát xét) VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.699.652.996	999.482.376

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	3.769.141.200	4.620.237.600
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam(Lilama)	1.636.138.805.621	938.558.030.406
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	74.891.604.257	160.920.871.106
Phải thu khác		
Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	1.517.777.778	4.449.362.652
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2	-	2.161.256.811
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	52.680.916.466	57.051.024.072
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam(Lilama)	341.596.303.990	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.382.740.000	9.290.571.043
Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu Khí	2.288.400.000	2.288.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư tài chính

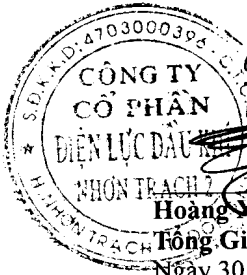
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính
Dầu khí Việt Nam

80.000.000.000

304.115.181.040

19. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 7 năm 2010.



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2010

Lê Việt An
Phó phòng kế toán